

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đắc

Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐ-HPT ngày 02-7-2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thành Th – sinh năm: 1975 (có mặt);

- Bị đơn: Anh Lê Thanh L – sinh năm 1973 (vắng mặt lần 2 không có lý do).

Cùng địa chỉ: 399/6/13 đường Đ, phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-12-2018, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thành Th trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thành Th và anh Lê Thanh L tự nguyện sống chung vào năm 1995, anh chị không tổ chức lễ cưới mà chỉ làm lễ ra mắt hai bên gia đình. Đến năm 2001, anh chị mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyền số 01/2001 do UBND Phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06-8-2001.

Sau khi cưới hai vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L vay nợ của nhiều người nhưng không có khả năng chi trả. Khi chủ nợ tìm đến nH đòi tiền thì

chị Th mới biết sự việc. Chị Th có hỏi anh L vay tiền để sử dụng vào mục đích gì nhưng anh L không thành thật, lúc nói vay giúp người khác, lúc nói công việc làm ăn gặp khó khăn, nguồn thu không bù đắp được khoản chi nên phải vay nợ. Chị Th nghi ngờ anh L ham mê cờ bạc nên gây ra nợ nần nhưng vì thương chồng, chị vẫn vay mượn tiền của người thân để trả nợ. Anh L hứa sẽ thay đổi, tu chí làm ăn để lo cho hai con ăn học. Nhưng đến tháng 9/2018, anh L về nói với chị Th bán nH để trả nợ vì anh L tiếp tục vay nợ của nhiều người với số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Lúc này vợ chồng anh chị không còn khả năng chi trả, không thể vay mượn thêm nữa nên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Sự ảnh hưởng đến tâm lý và sự an toàn của các con, chị Th nói anh L chuyển ra ngoài sống và tự làm ăn để trả tiền cho các chủ nợ. Sau đó, anh L chuyển đến chỗ làm việc ở và hai vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay.

Trong thời gian ly thân, anh L nhiều lần tìm gặp chị Th nhưng không bàn chuyện hàn gắn tình cảm mà ép chị Th bán nH của hai vợ chồng để trả nợ nhưng chị Th không đồng ý nên anh L chửi bới, xúc phạm chị Th, gây ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: chị Th xác nhận chị và anh L có 02 người con chung tên là Lê Thanh D – sinh ngày 27-5-1996 và Lê Vũ H – sinh ngày 18-3-2004, ngoài ra không có con nuôi. Cháu Lê Thanh D đã trưởng thành nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Th yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 12-3-2019 bị đơn – anh Lê Thanh L trình bày:

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị Th về thời gian, điều kiện kết hôn, cũng như tình trạng hôn nhân hiện nay. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn, chị Th trình bày như vậy là không đúng. Sau khi cưới, chị Th chỉ ở nH lo việc nội trợ, chăm sóc các con. Một mình anh L đi làm, lo chi phí sinh hoạt cho cả gia đình. Công việc của anh L bấp bênh, thu không đủ chi nên phải vay nợ của bạn bè mỗi người một ít. Nhưng vì sợ chị Th lo lắng nên anh L không nói cho chị Th biết sự việc. Đến năm 2017, khi không còn khả năng chi trả nợ thì anh L mới nói sự thật cho chị Th biết nhưng chị Th không tin và nghi ngờ anh L cờ bạc. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt nên từ tháng 01/2019 anh L không về nH mà ở lại nơi làm việc và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay.

Từ khi ly thân đến nay, anh L và chị Th có gặp nhau nhưng không bàn chuyện hàn gắn tình cảm. Anh L xác nhận không còn tình cảm với chị Th nữa nên đồng ý ly hôn với Chị Th.

Về con chung: Anh L xác nhận anh và chị Th có 02 người con chung tên là Lê Thanh D – sinh ngày 27-5-1996 và Lê Vũ H – sinh ngày 18-3-2004, ngoài ra không có con nuôi. Cháu Lê Thanh D đã trưởng thành nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị Th là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H. Cháu H có nguyện vọng được sống với chị Th nên anh L đồng ý để chị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, ngày 19-3-2019 anh L có đơn xin thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn với chị Th theo biên bản hòa giải ngày 12-3-2019 vì cho rằng còn một số vấn đề anh chưa thống nhất được với chị Th và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa, xác định vợ chồng chị Th anh L trong quan hệ hôn nhân phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th với anh L.

Về con chung: Chị Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Lê Vũ H. Từ khi chị Th và anh L sống ly thân cháu H vẫn ở cùng chị Th, nay cháu H có nguyện vọng ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Th, giao cháu H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và anh L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Th tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Lê Thanh L, anh L không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của chị Th và anh L là hợp pháp, đúng qui định pháp luật. Tuy nhiên mâu thuẫn tình cảm giữa chị Th và anh L

đã không thể hàn gắn được, đến nay chị Th và anh L đã sống ly thân, không còn quan hệ vợ chồng. Điều này được thể hiện qua lời trình bày của chị Th và anh L nên có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh L là có thật. Theo chị Th nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là do anh L là người không tu chí làm ăn, ham mê cờ bạc, nợ nần khiến kinh tế gia đình khó khăn, con cái bị ảnh hưởng, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Còn theo anh L, nguyên nhân mâu thuẫn là một mình anh phải đi làm nuôi cả gia đình, thu nhập bấp bênh, anh phải đi vay nợ, khi đồ nợ không có tiền trả anh nói với chị Th thì chị Th nghi ngờ anh cờ bạc dẫn đến tình cảm vợ chồng đổ vỡ.

Biên bản xác minh tại địa phương xác nhận: Chị Th và anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 399/6/13 đường Đ, phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tuy nhiên, mấy tháng nay chỉ có chị Th cùng 02 người con sinh sống tại đây, còn anh L thì thoảng mới lui tới. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh L địa phương không nắm rõ do gia đình sống khép kín. Địa phương có nghe chị Th phản ánh với địa phương vợ chồng chị sống không hạnh phúc do anh L nợ nần.

Tại phiên tòa hôm nay chị Th vẫn cương quyết được ly hôn với anh L, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Tòa án đã tổ chức cho chị Th và anh L hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng không đạt kết quả, hiện cả hai cũng không tìm được tiếng nói chung và vẫn tiếp tục sống ly thân. Nhận thấy khả năng hàn gắn tình cảm giữa chị Th và anh L là không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân giữa chị Th và anh L không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có cơ sở. Mặc dù anh L có đơn thay đổi ý kiến sau buổi hòa giải, không đồng ý ly hôn nhưng căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì chị Th có quyền yêu cầu ly hôn, yêu cầu của chị Th đối với anh L là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh L.

[3] Về con chung: Cháu Lê Thanh D – sinh ngày 27-5-1996 đã trưởng thành nên chị Th và anh L không yêu cầu giải quyết. Chị Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Lê Vũ H. Cháu Lê Vũ H thể hiện nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ. Xét thấy: Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương và lời trình bày của các đương sự thì từ khi vợ chồng chị Th anh L sống ly thân đến nay cháu H vẫn đang ở cùng với mẹ tại 399/6/13 đường Đ, phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và chị Th vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cháu H. Nay chị Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu H và cháu H cũng có nguyện vọng ở với mẹ, nắm đảm bảo toàn diện quyền lợi chính đáng của cháu H, nên quyết định giao cháu H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Th tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thành Th đối với anh Lê Thanh L .

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thành Th được ly hôn với anh Lê Thanh L .

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thành Th và anh Lê Thanh L có 02 người con chung tên là Lê Thanh D – sinh ngày 27-5-1996 và Lê Vũ H – sinh ngày 18-3-2004, ngoài ra không có con nuôi. Cháu Lê Thanh D đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Th được quyền trực tiếp nuôi cháu Lê Vũ H. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thành Th nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010357 ngày 10-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, chị Th đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường 13, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu Nga